

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ BẠC LIÊU

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Lê Thị Tú	Anh				1	1	1990	ấp Phước Thành, xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kế toán		BLI00077		VT	VT	VT		BLI00030
2	Nguyễn Lê Lan	Anh				22	8	1992	Thị trấn Giá Rai, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Ngoại ngữ - Tin học	Quản trị kinh doanh		BLI00098		60.00	65.00	72.50		BLI00104
3	Vũ Thị Kim	Anh				19	3	1988	Trực Ninh, Nam Định	Đại học Cần Thơ	Kế toán - Kiểm toán		BLI00156		VT	VT	VT		BLI00023
4	Trần Sế	Bầu				10	10	1980	Ấp Phú Tân, xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán		BLI00188		47.50	32.50	57.50		BLI00072
5	Mai Văn	Bé	1	1	1988				Tường Tư, Hưng Phú, Phước Long, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Luật Tư Pháp		BLI00192		37.50	37.50	45.00		BLI00021
6	Lý Văn	Bình	1	1	1972				Vĩnh Mỹ A, Hòa Bình, Bạc Liêu	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh tế chuyên ngành kinh tế Luật		BLI00221		35.00	37.50	15.00		BLI00061
7	Nguyễn Hồng	Chi				29	10	1988	Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính - ngân hàng		BLI00304		42.50	31.25	52.50		BLI00050
8	Võ Thị Hồng	Chi				8	2	1984	Châu Hưng A, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	Đại học Trà Vinh	Kế toán tổng hợp		BLI00320		55.00	31.25	47.50		BLI00107
9	Trần Chí	Cường	6	8	1991				Ấp Hòa Linh, xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Quản trị kinh doanh		BLI00400		50.00	46.25	75.00		BLI00114
10	Nguyễn Hoài	Đơn				19	2	1994	Ấp Tân Hòa, xã Tân Hưng, huyện Cái nước, tỉnh Cà Mau	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI00551		62.50	37.50	47.50		BLI00020
11	Hoàng Thị	Dung				1	1	1993	Phước Long, Bạc Liêu	Đại học Tài chính Marketing	Tài chính ngân hàng		BLI00582		77.50	56.25	77.50		BLI00136
12	Võ Hồng	Đuộm				15	10	1991	Ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng	Con TB	BLI00651	20	62.50	33.75	55.00		BLI00083
13	Trần Thị	Dương				19	5	1988	Ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Luật		BLI00684		VT	VT	VT		BLI00080
14	Danh	Dương	6	8	1992				Ninh Hòa, Hồng Dân, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh	DTTS	BLI00687	20	67.50	55.00	77.50		BLI00125
15	Quách Trọng	Duy	30	10	1991				Vĩnh Trạch, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI00706		52.50	47.50	57.50		BLI00043
16	Quảng Thị Mỹ	Duyên				24	8	1993	Phước Long, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI00730		52.50	52.50	60.00		BLI00137
17	Hồng Thanh Tùng	Em	11	12	1977				Tân Thành, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BLI00740		52.50	35.00	MT		BLI00019
18	Huỳnh Tấn	Em	2	7	1990				Vĩnh Trạch, Tp.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kế toán		BLI00741		60.00	30.00	65.00		BLI00082
19	Lâm Thị Hồng	Gấm				16	3	1993	Ninh Quới A, Hồng Dân, Bạc Liêu	Đại học Võ Trường Toản	Tài chính ngân hàng		BLI00747		35.00	37.50	62.50		BLI00028
20	Trần An	Giang	1	4	1989				Vĩnh Trạch, Tp.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI00790		VT	VT	VT		BLI00134
21	Nguyễn Thị Minh	Hải				21	3	1991	Bạc Liêu	Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán	Con NHCS như TB	BLI00886	20	70.00	66.25	75.00		BLI00117
22	Dương Thị	Hằng				25	5	1992	Ấp Cai Giăng, Lộc Ninh, Hồng Dân, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Tài chính ngân hàng		BLI00915		42.50	32.50	55.00		BLI00063
23	Nguyễn Văn	Hậu	2	11	1985				Phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		BLI01014		50.00	46.25	60.00		BLI00015
24	Lâm Chí	Hiếu	13	4	1990				Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI01090		VT	VT	VT		BLI00142
25	Thái Văn	Hon	1	1	1987				Định Thành, Đông Hải, Bạc Liêu	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		BLI01208		37.50	32.50	42.50		BLI00064
26	Nguyễn Thanh	Hon	3	2	1985				Lộc Ninh, Hồng Dân, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI01210		55.00	32.50	42.50		BLI00012

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
27	Trần Thanh	Hưng	11	8	1984				Xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI01295		67.50	40.00	60.00		BLI00067
28	Nguyễn Trần Trí	Huy	18	3	1988				Phường 7, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính - tín dụng		BLI01388		VT	VT	VT		BLI00045
29	Phương Thế	Huy	28	3	1988				Ấp Thị trấn B, TT Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính tín dụng		BLI01391		VT	VT	VT		BLI00105
30	Trịnh Ngọc Yến	Huy				18	10	1992	U Minh- Cà Mau	Đại học Bạc Liêu	Kiểm toán		BLI01397		VT	VT	VT		BLI00081
31	Lê Hoàng	Kha	23	6	1992				Ấp Phước Thạnh, xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI01461		52.50	30.00	50.00		BLI00097
32	Dương Hữu	Khánh	30	8	1978				Thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BLI01482		65.00	25.00	45.00		BLI00008
33	Huỳnh Lâm Nhật	Khánh	12	9	1987				Bạc Liêu	Đại học Marketing	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BLI01483		VT	VT	VT		BLI00046
34	Nguyễn Quốc	Khánh	27	4	1991				Ấp Ninh Lợi, Minh Diệu, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kế toán		BLI01490		57.50	43.75	70.00		BLI00065
35	Hồ Thanh	Khiết	11	8	1989				ấp Bình Thạnh A, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính - tín dụng		BLI01498		50.00	33.75	42.50		BLI00054
36	Lưu Trần Đăng	Khoa	27	7	1985				Ngan Dừa, Hồng Dân, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI01508		67.50	33.75	65.00		BLI00087
37	Trần Văn	Khởi	29	9	1990				Ấp Cái Dây, TT Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		BLI01525		47.50	46.25	40.00		BLI00109
38	Quách Trần Đình	Khương	26	1	1987				xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cửu Long	Tài chính Tín Dụng		BLI01535		45.00	47.50	62.50		BLI00025
39	Ngô Mỹ	Kim				25	5	1987	xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng		BLI01573		35.00	28.75	27.50		BLI00066
40	Huỳnh Bảo	Kỳ	22	9	1984				Thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI01581		47.50	30.00	45.00		BLI00079
41	Lê Thùy	Liên				3	6	1984	Bạc Liêu	Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		BLI01669		VT	VT	VT		BLI00139
42	Huỳnh Thị Mỹ	Linh				10	9	1989	Số nhà 262, Trà Ban I, Châu Hưng A, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	Đại học Cửu Long	Quản trị kinh doanh		BLI01711		VT	VT	VT		BLI00089
43	Liêu Thị Mỹ	Linh				8	1	1994	Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kế toán		BLI01725		67.50	55.00	65.00		BLI00036
44	Nguyễn Thị Yến	Linh				25	11	1990	Khóm 2, phường 8, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Luật		BLI01762		45.00	37.50	50.00		BLI00022
45	Trần Thị Thùy	Linh				25	2	1993	Hòa Bình - Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kiểm toán		BLI01803		62.50	53.75	57.50		BLI00027
46	Hồ Huỳnh	Loan				22	10	1987	Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính - tín dụng		BLI01830		47.50	33.75	47.50		BLI00047
47	Mã Thị An	Lộc				30	10	1990	Ấp B, TT.Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kế toán		BLI01865		72.50	47.50	62.50		BLI00140
48	Mã Chí	Lợi	4	8	1991				ấp Thống Nhất, xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng		BLI01873		VT	VT	VT		BLI00132
49	Huỳnh Thị Trúc	Ly				1	1	1989	Phong Thạnh, Giá Rai, Bạc Liêu	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		BLI01928		VT	VT	VT		BLI00048
50	Nguyễn Trương Ánh	Minh				14	3	1993	xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, Bạc Liêu	Đại học Tây Đô	Tài chính ngân hàng		BLI02019		55.00	38.75	65.00		BLI00060
51	Quách Phương	Minh	13	3	1980				Ấp An Trạch Đông, xã Vĩnh Trạch, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI02026		50.00	41.25	62.50		BLI00068
52	Trần Hoàng	My	9	12	1990				Ấp Thành Thường B, xã An Trạch A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng		BLI02067		35.00	43.75	45.00		BLI00129
53	Trần Thúy	Nga				16	10	1989	xã Quảng Vắn, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI02154		37.50	32.50	40.00		BLI00013
54	Lý Kim	Ngoân				4	3	1983	Tân Thuận, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Quản trị kinh doanh	Con NHĐKC bị NCDHH	BLI02264	20	45.00	31.25	MT		BLI00059

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
55	Phan Thị	Ngọc				1	1	1983	Ấp Bà Ai I, Xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Luật		BLI02331		22.50	35.00	30.00		BLI00143
56	Trịnh Thị Mỹ	Ngọc				16	12	1992	Châu Hưng, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng		BLI02349		37.50	36.25	52.50		BLI00135
57	Nguyễn Điền	Nguyên	2	7	1981				Ấp Ngọn, Ninh Quới, Hồng Dân, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Luật	HTNVQS	BLI02373	10	17.50	28.75	37.50		BLI00075
58	Trần Lê Ánh	Nguyên				5	9	1990	Phước Long, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		BLI02392		50.00	60.00	75.00		BLI00088
59	Lê Thủy	Nhân				23	10	1989	Thanh Hóa	Đại học Bạc Liêu	Kế toán	DTTS	BLI02425	20	37.50	32.50	50.00		BLI00071
60	Huỳnh Nguyễn Tú	Nhi				20	7	1993	Bạc Liêu	Đại học Tài chính Marketinh	Tài chính ngân hàng		BLI02460		VT	VT	VT		BLI00123
61	La Thị Khánh	Nhi				1	1	1991	Ấp Láng Giài A, Hòa Bình, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính - ngân hàng		BLI02464		32.50	27.50	37.50		BLI00040
62	Nguyễn Thùy	Nhiều				14	5	1986	Ấp Trung Điền, Long Điền Đông, Đông Hải, Bạc Liêu	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		BLI02501		42.50	35.00	37.50		BLI00035
63	Danh Thị	Nhớ				1	1	1988	Ấp Thống Nhất, thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Luật	DTTS	BLI02505	20	42.50	37.50	35.00		BLI00144
64	Hồ Mộng	Nhu				1	6	1985	Bạc Liêu	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BLI02509		55.00	37.50	MT		BLI00053
65	Nguyễn Thị Ngọc	Như				2	5	1992	xã Thành Trung, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Đại học Cần Thơ	Tài chính - ngân hàng		BLI02542		65.00	MT	57.50		BLI00034
66	Tăng Thị Bích	Như				11	3	1990	Ấp Tân Long, xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kế toán		BLI02548		67.50	40.00	45.00		BLI00102
67	Trần Thị Phương	Nhung				17	9	1987	Yên Bái	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh tế đầu tư		BLI02605		VT	VT	VT		BLI00044
68	Lê Kim	Nương				3	4	1986	Ấp Do Thới, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI02627		40.00	43.75	47.50		BLI00033
69	Đỗ Anh	Phiệt	8	5	1983				Cà Mau	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BLI02689		VT	VT	VT		BLI00042
70	Lê Thanh	Phong	17	2	1979				phường 7, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI02693		57.50	41.25	67.50		BLI00098
71	Đặng Thị	Phương				12	10	1979	Giao Yến, Giao Thủy, Nam Định	Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Luật thương mại		BLI02768		57.50	48.75	60.00		BLI00128
72	Mai trúc	Phương				2	9	1989	Ấp 2, xã Phong Thạnh Đông A, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kế toán		BLI02793		70.00	41.25	62.50		BLI00095
73	Lê Yến	Phượng				22	11	1988	khóm 2, phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán	Con NHĐKC bị NCDHH	BLI02866	20	72.50	38.75	62.50		BLI00094
74	Nguyễn Thị Kim	Phượng				4	9	1994	Ngan Dừa, Hồng Dân, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính - ngân hàng		BLI02878		52.50	58.75	67.50		BLI00041
75	Trần Ngọc	Phượng				16	9	1987	Ấp TTA, TT Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kế toán Tổng hợp		BLI02887		47.50	45.00	45.00		BLI00055
76	Đặng Thị Tổ	Quyên				29	8	1991	Ấp 19, xã Phong Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Tài chính ngân hàng		BLI02948		37.50	28.75	32.50		BLI00085
77	Nguyễn Chí	Sách	13	11	1992				Phong Tân, Giá Rai, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng		BLI03013		42.50	35.00	60.00		BLI00126
78	Phùng Thanh	Sang	31	1	1994				Ấp Láng Giày A, TT Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI03022		65.00	33.75	52.50		BLI00009
79	Hồ Thanh	Thà	19	5	1972				TT.Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		BLI03165		20.00	0.00	57.50		BLI00018
80	Lê Tấn	Thành	9	5	1993				Ấp Chắt Đốt, Châu Hưng A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BLI03280		75.00	56.25	67.50		BLI00007
81	Lý Thị	Thảo				8	3	1983	Ninh Quới, Hồng Dân, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI03337		30.00	36.25	45.00		BLI00099
82	Mai Linh	Thảo				9	8	1989	Bạc Liêu	Đại học CNTT Gia Định	Tài chính ngân hàng		BLI03338		52.50	45.00	55.00		BLI00078
83	Đặng Kim	Thêu				12	12	1989	Ấp Thanh Sơn, xã Vĩnh Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kinh tế nông nghiệp		BLI03417		47.50	43.75	42.50		BLI00002
84	Lê Minh	Thiện	26	12	1990				Ấp 20, Vĩnh Bình, Hòa Bình, Bạc Liêu	Đại học Trà Vinh	Luật	HTNVQS	BLI03435	10	VT	VT	VT		BLI00122

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
85	Lý Hữu	Thịnh	10	10	1989				Vĩnh Mỹ A, Hòa Bình, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI03446		55.00	42.50	60.00		BLI00049
86	Lê Kim	Thơ				15	1	1989	Ninh Thạnh Lợi A, Hồng Dân, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		BLI03455		92.50	65.00	72.50		BLI00039
87	Trần Kim	Thới				8	4	1982	Xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Luật		BLI03486		35.00	26.25	27.50		BLI00091
88	Đặng Thị Minh	Thu				2	10	1992	xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật		BLI03504		47.50	36.25	47.50		BLI00016
89	Phan Diệu	Thương				9	3	1989	Ấp Ninh An, xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kế toán tổng hợp		BLI03619		45.00	42.50	40.00		BLI00090
90	Nguyễn Diễm	Thùy				10	10	1982	khóm 8, TT Thới Bình, huyện Thới Bình, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kế toán tổng hợp		BLI03676		VT	VT	VT		BLI00130
91	Nguyễn Phương	Thùy				22	9	1985	Xã Tuân Tức, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BLI03677		55.00	33.75	50.00		BLI00070
92	Nguyễn Văn	Toàn	1	1	1987				Phong Tân, Giá Rai, Bạc Liêu	Đại học Cửu Long	Thương mại dịch vụ	HTNVLLCAND	BLI03820	10	VT	VT	VT		BLI00076
93	Trần Bảo	Trần				2	9	1994	Vĩnh Thanh, Phước Long, Bạc Liêu	Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BLI03895		47.50	72.50	72.50		BLI00006
94	Trần Thị Thùy	Trang				19	10	1992	Ấp Mỹ Tường 1, xã Hưng Phú, huyện Phước Long	Đại học Trà Vinh	Kế toán Tổng hợp		BLI04035		52.50	37.50	50.00		BLI00056
95	Võ Thùy	Trang				20	6	1992	Long Thạnh, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Luật		BLI04047		50.00	36.25	35.00		BLI00017
96	Phạm Văn	Triệu	16	8	1992				Vĩnh Bình, Hòa Bình, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng		BLI04073		VT	VT	VT		BLI00116
97	PhạmThị Kiều	Trình				7	11	1986	Thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính Ngân hàng		BLI04106		67.50	51.25	67.50		BLI00003
98	Lê Văn	Trọng	1	1	1987				An Trạch, Đông Hải, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kinh tế ngoại thương		BLI04124		62.50	33.75	57.50		BLI00086
99	Nguyễn Anh Hiệp	Trường	1	1	1991				Hoảng Xuyên, Hoảng Hóa, Thanh Hóa	Đại học Bạc Liêu	Kế toán tổng hợp		BLI04187		52.50	35.00	60.00		BLI00014
100	Nguyễn Minh	Trường	8	6	1983				Ấp Xẻo Chích, Thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI04190		45.00	33.75	40.00		BLI00037
101	Lê Cẩm	Tú				1	1	1992	Hòa Bình - Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kinh tế ngoại thương		BLI04212		42.50	30.00	57.50		BLI00032
102	Trác Anh	Tú	1	5	1993				Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kế toán kiểm toán		BLI04238		45.00	65.00	62.50		BLI00131
103	Nguyễn Trí	Tuệ	14	8	1990				Long Điền Tây, Đông Hải, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Tài chính ngân hàng		BLI04284		VT	VT	VT		BLI00141
104	Lâm Kim	Tùng				1	1	1992	Phong Thạnh Đông, Giá Rai, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI04290		57.50	33.75	65.00		BLI00124
105	Nguyễn Anh	Tùng	21	9	1994				208 Thống Nhất, phường 5, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		BLI04293		70.00	63.75	55.00		BLI00127
106	Nguyễn Phương	Tùng	8	1	1990				Phong Thạnh Tây A, Phước Long, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		BLI04296		97.50	57.50	70.00		BLI00038
107	Ngô Thị Bích	Tuyền				5	12	1983	Phường 2, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI04340		35.00	42.50	55.00		BLI00024
108	Trần Lệ	Xuân				5	3	1987	Khóm 5, TT Càng Long,huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đại học Đà Nẵng	Kinh tế Phát triển		BLI04597		75.00	65.00	62.50		BLI00051
109	Lê Văn	Ý	1	1	1988				xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Luật	HTNVLLCAND	BLI04619	10	37.50	33.75	42.50		BLI00101
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Dương Hớn	Cường	17	11	1990				Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Tin học		BLI04686		VT	VT			BLI00029
2	Lê Quốc	Đăng	25	5	1991				Ninh Thạnh II, Ninh Hòa, Hồng Dân, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Tin học		BLI04691		62.50	51.25			BLI00077
3	Nguyễn Thị	Hía				27	4	1991	Ấp Phước Hòa A, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Công nghệ thông tin	Con NHĐKC bị NCDHH	BLI04712	20	VT	VT			BLI00112
4	Nguyễn Văn	Khải	1	1	1988				Châu Thới, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	Đại học Hùng Vương thành phố Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin		BLI04729		55.00	33.75			BLI00110

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVu CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
5	Thái Nhất	Khang	1	1	1992				Xã Ninh Quới, Hồng Dân, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Công nghệ Thông tin		BLI04730		57.50	35.00			BLI00074
6	Dương Quốc Nhật	Minh	11	10	1989				ấp thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Hệ thống thông tin		BLI04752		55.00	42.50			BLI00118
7	Phan Thị	Nhi				1	1	1991	Ấp 16B, xã Tân Phong, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Công nghệ thông tin		BLI04770		37.50	31.25			BLI00001
8	Đoàn Văn	Sáu	26	6	1985				Ấp Phước II, Vĩnh Phú Tây, Phước Long, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Tin học		BLI04794		30.00	32.50			BLI00120
9	Tăng Duy	Sơn	8	10	1993				Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Công nghệ thông tin		BLI04796		42.50	40.00			BLI00004
10	Diệp Bùi Sĩ	Tiến	1	1	1986				Ấp Cái Tràm A1, xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Tin học		BLI04831		57.50	41.25			BLI00106
11	Trần Hải	Triều	4	12	1992				Ấp Vĩnh Lập, Vĩnh Thịnh, Hòa Bình, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Công nghệ thông tin		BLI04845		50.00	VT			BLI00133
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
1	Đỗ Hoàng	Ẩn	22	9	1989				Ấp Ninh Lợi, xã Vĩnh Bình, huyện Hòa Bình tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kinh tế		BLI04910		80.00	48.00	68.00		BLI00005
2	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên				1	4	1975	Vĩnh Hưng, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	Trung cấp Kinh tế kỹ thuật Bạc Liêu	Kế toán doanh nghiệp		BLI04974		28.00	18.00	32.00		BLI00073
3	Phan Huỳnh	Giao				1	1	1990	khánh Hưng, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học CNTT Gia Định	Kế toán		BLI04978		44.00	38.00	64.00		BLI00103
4	Cồ Thị Ngọc	Giàu				1	12	1993	Ấp Long Đức, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI04979		52.00	26.00	56.00		BLI00113
5	Nguyễn Đại	Hà	8	7	1970				xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Trường Trung học Kinh tế kỹ thuật	Nghiệp vụ thuế		BLI04984		48.00	32.00	56.00		BLI00062
6	Lê Thanh	Hòa	2	7	1994				ấp Tà Ben, Ninh Hòa, Hồng Dân, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI05019		28.00	34.00	56.00		BLI00121
7	Nguyễn Kim	Khoa				1	1	1994	Phước Long, Bạc Liêu	Trường Cao Đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Thuế nhà nước		BLI05054		68.00	50.00	72.00		BLI00052
8	Nguyễn Trung	Kiên	13	8	1994				Vĩnh Mỹ B, Hòa Bình, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI05063		40.00	34.00	52.00		BLI00092
9	Trần Hoàng	Lắm	15	3	1985				Ấp 2A, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI05072		52.00	36.00	44.00		BLI00057
10	Thái Hồng	Lê				1	1	1975	Ấp Bửu I, xã Long Điền Đông, Đông Hải, Bạc Liêu	Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu	Nghiệp vụ thuế		BLI05074		44.00	26.00	32.00		BLI00058
11	Trần Chí	Linh	5	12	1984				Ấp 2, xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Trung cấp Kinh tế kỹ thuật Bạc Liêu	Thuế		BLI05085		76.00	26.00	56.00		BLI00084
12	Nguyễn Kiều	My				25	8	1994	phường 7, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI05113		60.00	42.00	52.00		BLI00093
13	Trịnh Hoài	Nam	1	8	1995				Phường 5, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		BLI05118		40.00	46.00	28.00		BLI00100
14	Võ Thị Yến	Như				7	1	1995	233A, Ấp Nội Ô, TT Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kinh tế nông nghiệp		BLI05169		64.00	76.00	88.00		BLI00145
15	Nguyễn Văn	Sự	6	7	1988				Biển Bạch, Thới Bình, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kinh doanh quốc tế		BLI05222		56.00	44.00	72.00		BLI00115
16	Đặng Phước	Tâm	15	9	1995				Ấp Định Hòa, xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Cao Đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh		BLI05226		36.00	42.00	48.00		BLI00108
17	Trần Văn	Thương	30	10	1972				Ấp Thọ Tiền, xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu	Kế toán doanh nghiệp	HTNVQS	BLI05288	10	36.00	14.00	52.00		BLI00026
18	Hứa Minh	Trí	15	12	1987				Phường 4, Thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh	Kế toán		BLI05342		VT	VT	VT		BLI00069

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
19	Lê Quang	Vĩnh	27	11	1992				Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đại học Tây Đô	Kế toán		BLI05393		64.00	22.00	52.00		BLI00010
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			

nghe